

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4- 2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Đào Thị Kim Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên Trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 28/2025/TB-MLPT ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn bà **Lữ Thị Tố Trinh**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 08 Trần Bình Trọng, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn ông **PHAN HUU DUONG**, sinh năm 1963

Địa chỉ: ++ 28-1465 King ST West, Toronto, Ontario, Canada.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lữ Thị Tố Trinh trình bày:

Năm 2007 bà Lữ Thị Tố Trinh quen biết ông PHAN HUU DUONG qua mai mối, sau thời gian tìm hiểu cả hai có tình cảm nên quyết định tiến đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/5/2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Trinh chung sống với nhau ở Việt Nam được một tháng thì ông PHAN HUU DUONG quay về Canada làm việc và làm thủ tục bảo lãnh bà Trinh sang Canada xây đoàn tụ, bà Trinh ở lại Việt Nam chờ ngày bảo

lãnh. Năm 2009 ông PHAN HUU DUONG về Việt Nam cùng bà Trinh phỏng vấn nhưng phỏng vấn không thành. Sau đó ông PHAN HUU DUONG quay về Canada làm việc, đến năm 2010 ông PHAN HUU DUONG có về thăm bà Trinh được 01 tháng, từ đó đến nay ông PHAN HUU DUONG không về Việt Nam lần nào nữa. Đến năm 2011 thì vợ chồng bà Trinh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng không có cơ hội vun đắp tình cảm, ông DUONG bị bệnh nhưng bà Trinh không được ở bên cạnh chăm sóc, vợ chồng thường cãi nhau về những vấn đề trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt.

Nhận thấy không còn tình cảm với ông PHAN HUU DUONG, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trinh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông PHAN HUU DUONG.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông PHAN HUU DUONG: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông PHAN HUU DUONG về yêu cầu ly hôn của bà Lữ Thị Tố Trinh, nhưng không có kết quả. Do đó, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục đăng trên cổng thông tin điện tử và niêm yết các thủ tục tố tụng tại Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Canada, ấn định thời gian để ông PHAN HUU DUONG thực hiện quyền trình bày ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, cũng như thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án cho ông PHAN HUU DUONG được biết, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông PHAN HUU DUONG vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được ý kiến của ông PHAN HUU DUONG.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lữ Thị Tố Trinh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lữ Thị Tố Trinh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông PHAN HUU DUONG vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Lữ Thị Tố Trinh:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Lữ Thị Tố Trinh và ông PHAN HUU DUONG quen biết, tìm hiểu, thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Lữ Thị Tố Trinh và ông PHAN HUU DUONG là hợp pháp.

Bà Trinh xác định, sau khi kết hôn bà Trinh và ông PHAN HUU DUONG chung sống với nhau tại Việt Nam được 01 tháng thì ông PHAN HUU DUONG quay về Canada làm việc và làm thủ tục bảo lãnh bà Trinh sang Canada đoàn tụ, Bà Trinh ở lại Việt Nam. Đến năm 2011 vợ chồng bà Trinh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do việc bảo lãnh không thành nên thường xuyên cãi nhau, khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng không có cơ hội vung đắp tình cảm, ông DUONG bị bệnh nhưng bà Trinh không được ở bên cạnh chăm sóc, vợ chồng thường cãi nhau về những vấn đề trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Do không còn tình cảm vợ chồng, không có khả năng hàn gắn nên bà Trinh yêu cầu ly hôn. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ và niêm yết, đăng trên công thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Canada thông báo cho ông PHAN HUU DUONG biết về yêu cầu ly hôn của bà Trinh, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông PHAN HUU DUONG vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lữ Thị Tố Trinh và ông PHAN HUU DUONG đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trinh, cho bà Trinh được ly hôn với ông PHAN HUU DUONG.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trinh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trinh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[5] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Trinh phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã tạm nộp.

[6] Về chi phí thực tế ủy thác tư pháp: Bà Trinh phải chịu chi phí thực tế ủy thác tư pháp 100 đô la Canada, bà Trinh đã tạm nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lữ Thị Tố Trinh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lữ Thị Tố Trinh được ly hôn với ông PHAN HUU DUONG.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lữ Thị Tố Trinh xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà Lữ Thị Tố Trinh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0005588 ngày 30/01/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Lữ Thị Tố Trinh phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0099646 ngày 02/02/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí thực tế ủy thác tư pháp: Bà Lữ Thị Tố Trinh phải chịu chi phí thực tế ủy thác tư pháp là 100 đô la Canada, bà Lữ Thị Tố Trinh đã nộp xong theo chứng từ giao dịch ngày 21/02/2024 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo: Bà Lữ Thị Tố Trinh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông PHAN HUU DUONG có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Trần Thị Chơn

PEOPLE'S COURT
OF KIEN GIANG PROVINCE

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Judgment No. 67/2025/HNGD-ST
Date: April 28th, 2025
Ref: Divorce

IN THE NAME OF
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
PEOPLE'S COURT OF KIEN GIANG PROVINCE

- The participants of the first instance trial panel includes:

Judge - Presiding judge: Ms. Tran Thi Chon

People's assessors: Ms. Tran Thi Ngoc Tran

Ms. Dao Thi Kim Loan

- Court secretary: Ms. Nguyen Thi Cam Tien - Secretary of the People's Court of Kien Giang province.

- Representative of the People's Procuracy of Kien Giang province: Ms. Tran Thi Lanh - Intermediate prosecutor.

On April 28th, 2025, at the headquarter of the People's Court of Kien Giang province judged the first instance public trial of the case accepted No. 14/2024/TLST-HNGD dated February 1st, 2024 about the divorce; under the Decision to bring the case to trial No. 88/2024/QDXXST-HNGD dated November 1st, 2024; Decision to postpone the trial No. 78/2024/QDST-HNGD dated November 15th, 2024 and Notice to reopen the trial No. 28/2025/TB-MLPT dated April 14th, 2025, between the litigants:

- Plaintiff Mrs. Lu Thi To Trinh, born in 1985

Address: No. 08 Tran Binh Trong, Vinh Thanh Ward, Rach Gia City, Kien Giang Province.

- Defendant Mr. PHAN HUU DUONG, born in 1963

Address: ++ 28-1465 King ST West, Toronto, Ontario, Canada

(The litigants were all absent from the trial)

CASE CONTENT:

Plaintiff Mrs. Lu Thi To Trinh stated:

In 2007, Mrs. Lu Thi To Trinh met Mr. PHAN HUU DUONG through a matchmaker. After a period of getting to know each other, they developed feelings

for each other and decided to get married. They registered their marriage at the People's Committee of Kien Giang province on May 23rd, 2007.

After getting married, Mrs. Trinh and her husband lived together in Vietnam for a month, then Mr. PHAN HUU DUONG returned to Canada to work and completed the procedures to sponsor Mrs. Trinh to Canada for family reunification. Mrs. Trinh stayed in Vietnam waiting for the sponsorship date. In 2009, Mr. PHAN HUU DUONG returned to Vietnam with Mrs. Trinh for an interview, but the interview was unsuccessful. After that, Mr. PHAN HUU DUONG returned to Canada to work. In 2010, Mr. PHAN HUU DUONG visited Mrs. Trinh for 1 month. Since then, Mr. PHAN HUU DUONG has not returned to Vietnam again. By 2011, Mrs. Trinh and her husband began to have conflicts due to the great geographical distance, so the couple did not have the opportunity to nurture their feelings. Mr. DUONG was sick but Mrs. Trinh was not by his side to take care of him. The couple often argued about issues in life, and their feelings gradually faded.

Realizing that she no longer had feelings for Mr. PHAN HUU DUONG and that the purpose of marriage was not achieved, Mrs. Trinh filed a lawsuit asking the Court to resolve the matter as follows:

Regarding marriage: Requesting a divorce from Mr. PHAN HUU DUONG.

Regarding common children: None, no request for resolution.

Regarding common property and common debt: None, no request for resolution.

Defendant Mr. PHAN HUU DUONG: During the process of resolving the case, the Court carried out the legal entrustment procedure for Mr. PHAN HUU DUONG regarding the divorce request of Mrs. Lu Thi To Trinh, but there was no result. Therefore, the Court carried out the procedure of posting on the electronic information portal and posting the proceedings at the Embassy of the Socialist Republic of Vietnam in Canada, setting a time for Mr. PHAN HUU DUONG to exercise the right to present his opinion in writing to the People's Court of Kien Giang province, as well as to notify Mr. PHAN HUU DUONG of the time of the trial, but by the time of the first instance trial, Mr. PHAN HUU DUONG was still absent and the Court did not receive Mr. PHAN HUU DUONG's opinion.

At the trial, the representative of the People's Procuracy of Kien Giang province expressed his opinion: The compliance with the law by the Judge, the Trial Panel, the Court Secretary and the litigants has complied with the provisions of the Civil Procedure Code. regarding the settlement of the case, requesting the Trial Panel to accept the divorce request of the plaintiff, Mrs. Lu Thi To Trinh.

Based on the documents and evidence that have been considered and examined at the trial; based on the results of the debate at the trial, on the basis of full and comprehensive consideration of the evidence and opinions of the litigants.

JUDGMENT OF THE COURT:

[1] Regarding the proceedings: Plaintiff Mrs. Lu Thi To Trinh had a request for trial in absentia; defendant Mr. PHAN HUU DUONG was absent from the trial according to the judicial entrustment procedure. Pursuant to the provisions of Articles 227, 228, 238 and 477 of the Civil Procedure Code, the Trial Panel agreed to conduct the trial in absentia for the plaintiff and the defendant.

[2] Regarding the divorce request of Plaintiff Mrs. Lu Thi To Trinh:

Through the documents and evidence, it was shown that Mrs. Lu Thi To Trinh and Mr. PHAN HUU DUONG knew each other, got to know each other, loved each other and voluntarily got married, and carried out the marriage registration procedure at the People's Committee of Kien Giang province according to regulations. Therefore, the Trial Panel determined that the marriage relationship between Mrs. Lu Thi To Trinh and Mr. PHAN HUU DUONG was legal.

Mrs. Trinh confirmed that after getting married, Mrs. Trinh and Mr. PHAN HUU DUONG lived together in Vietnam for 1 month, then Mr. PHAN HUU DUONG returned to Canada to work and completed the procedures to sponsor Mrs. Trinh to Canada for family reunion, Mrs. Trinh stayed in Vietnam. In 2011, Mrs. Trinh and her husband began to have conflicts because the sponsorship was unsuccessful, so they often argued, the geographical distance was far so the couple did not have the opportunity to develop feelings, Mr. DUONG was sick but Mrs. Trinh was not by her side to take care of him, the couple often argued about life issues, the couple's feelings gradually faded. Because there was no longer any love between husband and wife, and there was no possibility of reconciliation, Mrs. Trinh requested a divorce. During the process of accepting and resolving the case, the Court carried out the valid judicial entrustment procedure and posted and posted on the electronic information portal of the Vietnamese Embassy in Canada to notify Mr. PHAN HUU DUONG about Mrs. Trinh's request for divorce, but at the time of the first instance trial, Mr. PHAN HUU DUONG was absent and did not have a written statement of his opinion.

Considering that the marital relationship between Mrs. Lu Thi To Trinh and Mr. PHAN HUU DUONG had fallen into a serious state, the married life was not happy, the purpose of marriage was not achieved. Therefore, in the discussion and deliberation, the Trial Panel accepted the proposal of the representative of the People's Procuracy of Kien Giang province, accepted Mrs. Trinh's request to file a lawsuit, allowing Mrs. Trinh to divorce Mr. PHAN HUU DUONG.

[3] Regarding common children, common assets and common debts: Mrs. Trinh confirmed none, did not request the Court to resolve, so the Trial Panel did not consider.

[4] Regarding court fees: Mrs. Trinh must pay VND 300,000 in first-instance family court fees, deducted from the advance payment of first-instance court fees.

[5] Regarding judicial entrustment fees: Mrs. Trinh must pay VND 200,000 in judicial entrustment fees, deducted from the amount of VND 200,000 in advance payment.

[6] Regarding the actual cost of judicial commission: Mrs. Trinh must bear the actual cost of judicial commission of 100 Canadian dollars, which Mrs. Trinh has temporarily paid.

For the above reasons;

DECIDES:

Pursuant to Clause 1, Article 28, Clause 1, Article 37, Article 153, Article 227, Article 228, Article 238, Article 477 and Article 479 of the Civil Procedure Code; Clause 1, Article 56 of the Law on Marriage and Family in 2014; Point a, Clause 5, Article 27 of Resolution No. 326/2016/UBTVQH14 dated December 30th, 2016 of the Standing Committee of the National Assembly on the collection, exemption, reduction, collection, payment, management and use of court fees and charges.

Judged: Accepting the lawsuit request of the plaintiff, Mrs. Lu Thi To Trinh.

1. Regarding the marital relationship: Granting Mrs. Lu Thi To Trinh a divorce from Mr. PHAN HUU DUONG.

2. Regarding the common children, common assets and common debts: Mrs. Lu Thi To Trinh determined none, did not request a settlement, so the Trial Panel did not consider.

3. Regarding court fees: Mrs. Lu Thi To Trinh must pay the first instance marriage court fee of VND 300,000, deducted from the amount of VND 300,000 already paid, according to the receipt number 0005588 dated January 30th, 2024 of the Civil Judgment Enforcement Department of Kien Giang province.

4. Regarding the cost of performing the judicial entrustment: Mrs. Lu Thi To Trinh must pay the judicial entrustment fee of VND 200,000, deducted from the amount of advance payment of fees already paid according to the receipt number 0099646 dated February 2nd, 2024 of the Civil Judgment Enforcement Department of Kien Giang province.

5. Regarding the actual cost of judicial entrustment: Mrs. Lu Thi To Trinh must bear the actual cost of judicial entrustment of 100 Canadian dollars, which Mrs. Lu Thi To Trinh had paid according to the transaction document dated February 21st, 2024 at the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam, Ho Chi Minh City branch.

6. Right to appeal: Mrs. Lu Thi To Trinh has the right to appeal the judgment within 15 days from the date of receiving the judgment or the judgment is posted according to the provisions of law. Mr. PHAN HUU DUONG has the right to appeal the judgment within 01 month from the date the judgment is validly served or from the date the judgment is posted according to the provisions of law.

In case the judgment, the decision is enforced according to the provisions of Article 2 of the Law on Civil Judgment Enforcement, the person entitled to civil judgment enforcement and the person subject to civil judgment enforcement have the right to agree on judgment enforcement, the right to request judgment enforcement, voluntarily enforce the judgment or being forced to enforce the judgment according to the provisions of Articles 6, 7, 7a and 9 of the Law on Civil Judgment Enforcement amended and supplemented; the statute of limitations for judgment enforcement is implemented according to the provisions of Article 30 of the Law on Civil Judgment Enforcement amended and supplemented.

Recipients:

- People's Procuracy of Kien Giang province;
- Civil Judgment Enforcement Department of Kien Giang province;
- People's Committee of Kien Giang province;
- Litigants;
- FiLed: Case records.

**ON BEHALF OF THE FIRST INSTANCE
TRIAL COUNCIL
JUDGE - PRESIDING JUDGE
(signed and sealed)**

Tran Thi Chon

Tôi: Lư Thị Thùy Oanh, Căn cước công dân số: 091174014320
cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.
I, Lu Thi Thuy Oanh, Citizen ID card No. 091174014320
Guarantee to translate exactly the content of this paper/document from Vietnamese to English.

Ngày 05 tháng 06 năm 2025
On this 5th day of June, 2025
(Người dịch ký và ghi rõ họ tên)
Full name, signature of the translator

Lư Thị Thùy Oanh

Ngày 05 tháng 06 năm 2025

(Bằng chữ: Ngày năm Tháng sáu Năm hai ngàn không trăm hai mươi lăm)

Tại: Phòng Tư pháp thành phố Rạch Giá

Tôi: **Đinh Dương Vũ**, là **Đ**. Trưởng phòng Tư pháp thành phố Rạch Giá

On this 5th day of June, 2025

(In words: The Fifth day of June, Two Thousand and Twenty-Five)

At the Justice Department of Rach Gia city

My name is ... **Đinh Dương Vũ** ... - **Đ**. Chief of Justice Department of Rach Gia city

CHỨNG THỰC - CERTIFIES

Bà : Lư Thị Thùy Oanh là người đã ký vào bản dịch này trước mặt tôi.

Mrs. Lu Thi Thuy Oanh is the one who signed her name on this translation before me

Số chứng thực (Certified No.) ... **1490** ... Quyển số (Book No.) 01-SCT/CKND

Ngày 05 tháng 06 Năm 2025

On this 5th day of June, 2025

Đ. TRƯỞNG PHÒNG - **Đ**. CHIEF OF DEPARTMENT

(Ký tên và đóng dấu)

(Signed and sealed)



Đinh Dương Vũ



